

Bản án số: 37/2021/HS-ST
Ngày 25 - 6 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Long Hính

Ông Trần Quyết Tiến

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đình Vĩ - Thư ký viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HS ngày 04/6/2021 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn K, sinh ngày 11/8/1976; tại huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi ĐKKHKT: Thôn Ngọc B, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ (sinh năm 1944) và bà Chương Thị Q (sinh năm 1944); có vợ là Chương Thị C (sinh năm 1975); có 04 con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Chương Văn T2, sinh ngày 08/5/1991; tại xã Ngọc Linh, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã L, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chương Văn Q (sinh năm 1969) và bà Đặng Thị L (sinh năm 1969); có vợ là Lý Thị D (sinh năm 1992); có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

3. Đặng Văn C, sinh ngày 06/11/1988; tại xã Ngọc Linh, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã L, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Bị cáo là Đảng viên (đã đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết

định số 25-QĐ/UBNDTHU ngày 27/01/2021); con ông Đặng Văn V (sinh năm 1957) và bà Lý Thị V (sinh năm 1964); có vợ là Lý Thị H (sinh năm 1984); có 01 con sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 22/11/2016 bị Công an huyện X xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc (ngày 23/11/2016 đã thi hành xong); bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Lý Văn S, sinh ngày 16/02/1994; tại xã Ngọc Linh, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã L, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn C (sinh năm 1968) và bà La Thị K (sinh năm 1968); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Đặng Văn K, sinh ngày 10/10/1988; tại huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi ĐKKHKT: Thôn Ngọc B, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn X (sinh năm 1961) và bà Lý Thị C (sinh năm 1962); có vợ là Đặng Thị D (sinh năm 1985); có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Đặng Văn D, sinh ngày 20/9/1978; tại huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi ĐKKHKT: Thôn Ngọc B, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ (sinh năm 1944) và bà Chương Thị Q (sinh năm 1944); có vợ là Đặng Thị T (sinh năm 1974); có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Lý Văn T1, sinh ngày 06/02/1973; tại huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi ĐKKHKT: Thôn Th, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn S (đã chết) và bà Đặng Thị G (đã chết); có vợ là Đặng Thị P (sinh năm 1974); có 04 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

8. Chương Văn Q, sinh ngày 13/7/1969; tại huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã L, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chương Văn T, sinh năm 1933 (đã chết), và bà Đặng Thị P1 (sinh năm 1934); có vợ là Đặng Thị L (sinh năm 1969); có 03 con, lớn nhất sinh năm

1990, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Triệu Văn Q2, sinh ngày 08/01/1987; tại huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã L, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn T4 (sinh năm 1964) và bà Trần Thị S (sinh năm 1964); vợ là Tần Thị S1 (sinh năm 1994); có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; Bị can ra đầu thú ngày 19/01/2021. Áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2021; có mặt.

10. Đặng Văn B, sinh ngày 21/01/1992; tại xã Bạch Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi ĐKHKTT: Thôn Ngọc B, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T5 (sinh năm 1966) và bà Đặng Thị M (sinh năm 1970); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 15/7/2013, Công an huyện X ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 73/QĐ-XPHC, xử phạt Đặng Văn B, số tiền 1.500.000 đồng về xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội (đã thi hành xong); Bị cáo ra đầu thú ngày 19/01/2021. Áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2021; có mặt.

11. Đặng Văn B1, sinh ngày 07/01/1999; tại huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi ĐKHKTT: Thôn Ngọc B, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn D (sinh năm 1978) và bà Đặng Thị T6 (sinh năm 1974); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; Bị cáo ra đầu thú ngày 19/01/2021. Áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2021; có mặt.

12. Lý Văn B2, sinh ngày 11/10/1988; tại huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi ĐKHKTT: Thôn Ngọc B, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn T7, sinh năm 1966 và bà Chương Thị N, sinh năm 1962; có vợ là Bàn Thị T8, sinh năm 1992; có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; Bị cáo ra đầu thú ngày 19/01/2021. Áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2021; có mặt.

13. Chương Văn Đ, sinh ngày 02/8/1987; tại xã Bạch Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã L, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chương Văn C (sinh năm 1957) và bà Lý Thị X (sinh năm 1959); có vợ là Lý Thị T9 (sinh năm 1983); có 04 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

Không; Bị cáo ra đầu thú ngày 19/01/2021. Áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2021; có mặt.

14. Lý Văn T2, sinh ngày 25/5/1973; tại xã Bạch Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi ĐKHKTT: Thôn Ngọc B, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn V (đã chết) và bà Đặng Thị T10 (đã chết); có vợ là Đặng Thị N (sinh năm 1974); có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; Bị cáo ra đầu thú ngày 19/01/2021. Áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2021; có mặt.

15. Chương Văn T2, sinh ngày 10/01/1982; tại xã Ngọc Minh, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi ĐKHKTT: Thôn Tân B1, xã Ngọc Minh, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chương Văn T11 (đã chết) và bà Đặng Thị K (sinh năm 1947); có vợ là Chương Thị G (sinh năm 1985); có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; Bị cáo ra đầu thú ngày 19/01/2021. Áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2021; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 04/01/2021, sau khi ăn cưới tại nhà Chương Văn C1 tại thôn Ngọc B, xã N, huyện X thì Triệu Văn T12, Đặng Văn H, Đặng Văn K, Đặng Văn B, Đặng Văn B1, Đặng Văn C, Chương Văn T2 (sinh năm 1991); Triệu Văn Q2, Chương Văn T2 (sinh năm 1982); Lý Văn T1, Lý Văn S cùng rủ nhau đến nhà Đặng Văn K tại thôn Ngọc B, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang để uống rượu. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì mọi người uống rượu xong, sau đó tất cả mọi người rủ nhau đánh bạc tại gian bếp nhà Đặng Văn K, lúc này Đặng Văn K nhờ Đặng Văn C lấy 01 cái bát sứ, 01 đĩa sứ từ chạn bát nhà K. Sau đó, C dùng dao cắt 04 quân vị từ dây lạt tre rồi tất cả mọi người ngồi xuống chiếu cạnh bếp củi nhà Đặng Văn K đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua Bg tiền Việt Nam, tức là: người xóc cái cho 04 quân vị vào đĩa dùng bát úp lên, xóc đều rồi đặt xuống chiếu để những người tham gia đánh bạc đặt tiền đánh cửa chẵn hoặc cửa lẻ (*quy định cửa chẵn bên tay phải người xóc cái, lẻ bên trái người xóc cái*). Cửa chẵn là kết quả có 02 quân vị đen, 02 quân vị trắng; 04 quân vị đen hoặc 04 quân vị trắng. Cửa lẻ là có 03 quân đen, một quân trắng hoặc 03 quân trắng, 01 quân đen. Không quy định mức đặt tiền, tỷ lệ thắng thua nếu đánh chẵn lẻ thì tỷ lệ 1:1 (*ví dụ đặt cược 50.000 đồng nếu thắng cược thì được 50.000 đồng*). Lúc này Đặng Văn B1 là người xóc cái cho mọi người tham gia đánh bạc, B1 xóc cái được 02 ván, do không biết xóc cái nên Triệu Văn Q2 vào xóc cái thay, còn Triệu Văn T12 và Đặng Văn H do say rượu nên đi ngủ không tham gia đánh bạc. Khoảng 21 giờ cùng ngày do thấy quân vị C cắt mà mọi người đang sử dụng để đánh bạc nhỏ nên Triệu Văn Q2 lấy đóm tre (*loại đóm dùng để châm*

lừa hút thuốc Lào) và lấy nhọ đen từ kiềng sôi một mặt màu đen rồi dùng dao cắt thành 04 quân vị khác. Q2 tiếp tục xóc cái cho mọi người tiếp tục tham gia đánh bạc và trực tiếp cầm tiền đặt cược xuống chiếu bạc để tham gia đánh bạc, trong lúc các con bạc đang đánh bạc thì Lý Văn B2, Lý Văn T2, Đặng Văn D, Lý Văn Q3, cùng trú tại thôn Ngọc B, xã N, huyện X; Lý Văn D, Bàn Văn H, Chương Văn Q, Chương Văn Đ, cùng trú tại Thôn M, xã L, huyện X đến nhà Đặng Văn K thì thấy mọi người đang đánh bạc. Lý Văn B2, Lý Văn T2, Đặng Văn D, Chương Văn Q, Chương Văn Đ lấy tiền trong túi quần ra để tham gia đánh bạc, còn Lý Văn D, Lý Văn Q3 và Bàn Văn H đứng xem mọi người đánh bạc. Khi các con bạc đánh bạc thì Triệu Văn Q2, Đặng Văn K, Chương Văn T2 (*trú tại Thôn M, xã L*) thay nhau xóc cái đến khi bị bắt quả tang.

Qua điều tra xác định số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là: **8.190.000** đồng. Trong đó: số tiền thu giữ trên chiếu bạc là: **6.070.000** đồng và tiền thu giữ trên người bị cáo K do thắng bạc mà có là: **2.020.000** đồng; **100.000** đồng của bị cáo Chương Văn T2 (sinh năm 1991) sử dụng để đánh bạc nhưng bị bắt quả tang. Số tiền thu giữ trên người các bị cáo không sử dụng vào mục đích đánh bạc là: **9.200.000** đồng (bị cáo C 1.560.000 đồng; Chương Văn T2, sinh năm 1991: 2.000.000 đồng; Đặng Văn K 10.000 đồng; Đặng Văn D 300.000 đồng; Lý Văn T1: 1.300.000 đồng; Chương Văn Q: 4.030.000 đồng) và số tiền: **1.510.000** đồng, không dùng vào việc đánh bạc, quá trình bỏ trốn, các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết, trong đó (Đặng Văn B1 10.000 đồng; Chương Văn T2, sinh năm 1982: 1.500.000 đồng).

Ngày 06/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang ra Quyết định trưng cầu giám định số 03/QĐ-CSHS, Trưng cầu giám định: Tiền Việt Nam thu giữ **7.370.000** đồng, trong đó tiền chiếu bạc gồm: số tiền **6.070.000^d** (*sáu triệu không trăm B2 mươi nghìn đồng*) và **1.300.000** đồng thu giữ cạnh cột nhà phía bên phải cửa ra vào nhà bị cáo K. Tại Bản kết luận giám định số 38/KL-PC09 ngày 11/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Số tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật.

Ngày 22/01/2021 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang ra Quyết định trưng cầu giám định số 13/QĐ-CSHS, Trưng cầu giám định: Tiền Việt Nam thu giữ trên người các bị cáo: **10.020.000** đồng (*Mười triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*). Tại Bản kết luận giám định số 79/KL-PC09 ngày 26/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Số tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật.

Cáo trạng số 21/CT-VKS-P2 ngày 19/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố: Bị cáo Đặng Văn K phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản khoản 1 Điều 321 và tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại khoản điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Triệu Văn Q2, Chương Văn T2 (sinh năm 1991); Đặng Văn C, Chương Văn T2 (sinh năm 1982); Đặng Văn K, Đặng Văn D, Lý Văn T1, Chương Văn Q, Lý Văn S, Đặng Văn B, Đặng Văn B1, Lý Văn B2, Chương Văn Đ, Lý Văn T2 phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn K khai nhận: Sau khi uống rượu tại nhà của bị cáo, mọi người cùng rủ nhau đánh bạc Bg hình thức xóc đĩa. Bị cáo đồng ý cho mọi người đánh bạc và trực tiếp lấy bát, đĩa để làm công cụ đánh bạc. Đến khi cơ quan chức năng bắt quả tang bị cáo thắng bạc được 2.020.000 đồng.

Các bị cáo Đặng Văn K, Đặng Văn B, Đặng Văn B1, Đặng Văn C, Chương Văn T2 (sinh năm 1991); Triệu Văn Q2, Chương Văn T2 (sinh năm 1982), Lý Văn T1, Lý Văn S khai nhận: Sau khi đi ăn cưới tại nhà Chương Văn C1 các bị cáo đã đến nhà của Đặng Văn K để uống rượu, sau khi uống rượu xong thì mọi người rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Khi đang đánh thấy có Lý Văn B2, Lý Văn T2, Đặng Văn D, Chương Văn Q, Chương Văn Đ đến và tham gia đánh bạc.

Các bị cáo Lý Văn B2, Lý Văn T2, Đặng Văn D, Chương Văn Q, Chương Văn Đ khai nhận: khi đi qua nhà Đặng Văn K thấy có nhiều người nên đi vào chơi, khi vào trong nhà thấy có nhiều người đang ngồi đánh bạc tại gian bếp nên cũng lấy tiền tham gia đánh bạc. Đến khi cơ quan chức năng bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc 6.070.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án, vai trò của từng bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn K phạm tội Đánh bạc và tội Tổ chức đánh bạc; các bị cáo Triệu Văn Q2, Chương Văn T2 (sinh năm 1991), Đặng Văn C, Chương Văn T2 (sinh năm 1982); Đặng Văn K, Đặng Văn D, Lý Văn T1, Chương Văn Q, Lý Văn S, Đặng Văn B, Đặng Văn B1, Lý Văn B2, Chương Văn Đ, Lý Văn T2 phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 38 Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn K từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù về tội Đánh bạc. từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc. Tổng hợp hình phạt của hai tội từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ (thời gian tạm giữ từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn Q2 từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ, kể từ ngày UBND xã Ngọc Linh nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Hàng tháng khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo cho đến khi chấp hành xong hình phạt. Trong thời gian chấp

hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn C, Chương Văn T2 (sinh năm 1991), Lý Văn T1 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ (*từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021*) theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ Bg 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ 11 tháng 3 ngày đến 14 tháng 3 ngày, kể từ ngày UBND xã nơi các bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Hàng tháng khấu trừ 5% thu nhập của các bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt. Trong thời gian chấp hành án, các bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Chương Văn Đ, Chương Văn T2, sinh năm 1982, Đặng Văn B từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, kể từ ngày UBND xã nơi các bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án đối với các bị cáo. Hàng tháng khấu trừ 5% thu nhập của các bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt. Trong thời gian chấp hành án, các bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn D, Đặng Văn K, Lý Văn B2, Lý Văn T2 từ 08 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ. Các bị cáo D, K, B2 được trừ thời hạn tạm giữ (*từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021*) theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ Bg 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ 07 tháng 3 ngày đến 09 tháng 3 ngày, kể từ ngày UBND xã nơi các bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Hàng tháng khấu trừ 5% thu nhập của các bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt. Trong thời gian chấp hành án, các bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn B1, Lý Văn S, Chương Văn Q từ 06 tháng đến 08 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo Lý Văn S, Chương Văn Q được trừ thời hạn tạm giữ (*từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021*) theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ Bg 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ 05 tháng 3 ngày đến 07 tháng 3 ngày, kể từ ngày UBND xã nơi các bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Hàng tháng khấu trừ 5% thu nhập của các bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt. Trong thời gian chấp hành án, các bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Số tiền 8.190.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc.

- Trả lại cho bị cáo Lý Văn T1 số tiền 1.300.000 đồng. Trả lại cho bị cáo Đặng Văn D số tiền 300.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 04 quân vị; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 chiếc chiếu đã cũ đã bị thu giữ có liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

5. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Phản tranh luận tại phiên tòa*: Các bị cáo đều nhất trí với quan điểm về tội danh, điều luật áp dụng mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm.

- *Lời nói sau cùng của các bị cáo*: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự thủ tục, không có khiếu nại, tố cáo và điều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo thông nhất, phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong giai đoạn điều tra, biên bản phạm tội quả tang ngày 05/01/2021, Biên bản thu giữ vật chứng, biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu, Bản kết luận giám định số 38/KL-PC09 ngày 11/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, Bản kết luận giám định số 79/KL-PC09 ngày 26/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 04/01/2021, tại nhà tại nhà Đặng Văn K thuộc thôn Ngọc B, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang. Các bị cáo Đặng Văn K, Đặng Văn B, Đặng Văn D, Lý Văn B2, Đặng Văn K, Chương Văn Đ, Chương Văn T2 (sinh năm 1991), Chương Văn Q, Chương Văn T2, Lý Văn T1, Lý Văn S tổ chức đánh bạc, đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền đến khi bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang bắt quả tang vào hồi 00 giờ 30 phút ngày

05/01/2021. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là: **8.190.000** đồng (trong đó thu giữ trên chiếu bạc số tiền là: **6.070.000** đồng và tiền thu giữ trên người bị cáo K do thắng bạc mà có là: **2.020.000** đồng; **100.000** đồng của bị cáo Chương Văn T2, sinh năm 1991 sử dụng để đánh bạc).

[3] Trong vụ án này mặc dù có nhiều đối tượng tham gia, nhưng không đủ căn cứ xác định ai là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh bạc, không có sự phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể, việc các bị cáo tham gia đánh bạc là tự phát (Sau khi đi ăn cưới tại nhà Chương Văn C1, các bị cáo rủ nhau đến nhà bị cáo K để uống rượu, sau đó rủ nhau đánh bạc) nên là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Đặng Văn K đồng ý sử dụng nhà thuộc quyền sử dụng, quản lý của bị cáo làm địa điểm để đánh bạc (không được hưởng lợi ích vật chất gì) và bị cáo K tham gia đánh bạc tích cực (tham gia xóc cái, là người chỉ chỗ cho bị cáo C lấy bát, đĩa và khi xóc đĩa do thấy bát, đĩa nhỏ nên bị cáo tự lấy 01 bát, 01 đĩa sứ để làm công cụ đánh bạc, sử dụng số tiền 300.000 đồng tham gia đánh bạc). Hành vi của bị cáo K cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm và tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4] Các bị cáo Đặng Văn B, Đặng Văn D, Lý Văn B2, Đặng Văn B1, Lý Văn T2, Đặng Văn K, Đặng Văn C, Triệu Văn Q2, Chương Văn Đ, Chương Văn T2 (sinh năm 1991), Chương Văn Q, Chương Văn T2 (sinh năm 1982), Lý Văn T1, Lý Văn S tham gia đánh bạc; quá trình đánh bạc có 04 bị cáo tự nguyện thay nhau xóc cái gồm Q2, C, T2 (sinh năm 1991) và K nhưng không được hưởng lợi ích vật chất gì và không theo sự phân công của ai. Hành vi của các bị cáo B, D, B2, B1, T2, K, C, Q2, Chương Văn Đ, T2 (sinh năm 1991), Q, T2 (sinh năm 1982), T1, S cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[5] Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đặng Văn B, Đặng Văn D, Lý Văn B2, Đặng Văn B1, Lý Văn T2, Đặng Văn K, Đặng Văn C, Triệu Văn Q2, Chương Văn Đ, Chương Văn T2 (sinh năm 1991), Chương Văn Q, Chương Văn T2

(sinh năm 1982), Lý Văn T1, Lý Văn S thuộc trường hợp “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” nên được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo Q2, B, B1, B2, Đ, T2, Chương Văn T2 (sinh năm 1982) ra đầu thú tại cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Giang là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 bộ luật Hình sự.

[8] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới bất cứ hình thức nào đều là vi phạm pháp luật và bị xử lý nghiêm minh. Hành vi của các bị cáo xâm hại đến trật tự công cộng là khách thể được pháp luật Hình sự Việt Nam bảo vệ, gây mất trật tự an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, do đó cần phải xử lý các bị cáo mức án đủ nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời có ý nghĩa răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ là đồng phạm giản đơn, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Bộ luật Hình sự.

[9] Đối với bị cáo Đặng Văn K đồng ý sử dụng nhà của bị cáo làm địa điểm để đánh bạc, tham gia đánh bạc tích cực (tham gia xóc cái, chuẩn bị công cụ). Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn so với các bị cáo khác, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[10] Đối với các bị cáo Q2, C, T2 (sinh năm 1991) trong quá trình tham gia đánh bạc đã tự nguyện thay nhau xóc cái mặc dù không được hưởng lợi ích vật chất từ việc xóc cái, bị cáo Q2 và bị cáo C là người chuẩn bị công cụ (lấy bát, đĩa và lấy lạt tre cắt làm quân vị). Số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc như sau: Q2 700.000 đồng; T2 400.000 đồng; C 180.000 đồng. Bị cáo T1 trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền là 1.000.000 đồng, quá trình đánh bạc không tham gia xóc cái. Các bị cáo Đ, T2 (sinh năm 1982), B trực tiếp tham gia đánh bạc, không tham gia xóc cái (Trong đó số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc: Đ 600.000 đồng; T2 500.000 đồng; B 300.000 đồng); Đối với các bị cáo T2, D, K, B1, B2, Q và bị cáo S là những đối tượng trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền ít hơn các bị cáo khác (Trong đó: T2 150.000 đồng; D 200.000 đồng; K 150.000 đồng; B2 150.000 đồng; Q 40.000 đồng; S 50.000 đồng; B1 40.000 đồng). Xét thấy các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền không nhiều, các bị cáo đều có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xử phạt các bị cáo Bg hình thức cải tạo không giam giữ cũng đủ để răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung, hàng tháng khấu trừ 5% thu nhập của các bị cáo cho đến khi chấp hành xong hình phạt.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Đối với Triệu Văn T12, Đặng Văn H, Lý Văn Q3 (cùng trú tại thôn Ngọc B, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang); Lý Văn D, Bàn Văn H (cùng trú tại

Thôn M, xã L, huyện X, tỉnh Hà Giang) có mặt tại địa điểm đánh bạc. Căn cứ kết quả điều tra và các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, không có căn cứ xác định Thái, Hội, Q3, D, H có hành vi đánh bạc; Đối với hành vi của Lý Văn D cho Lý Văn T1 và Chương Văn T2 (sinh năm 1982) vay mỗi người 2.000.000 đồng. Khi T1 và T2 hỏi vay D với mục đích trả nợ nên D đồng ý, không có căn cứ xử lý D về hành vi đánh bạc với vai trò giúp sức.

[13] Đối với chị Chương Thị C là vợ của bị cáo K, khi bị cáo K đồng ý cho các con bạc sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu của bị cáo và chị C làm địa điểm đánh bạc. Quá trình điều tra xác định chị C đi ngủ không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà của chị và bị cáo K nên không có căn cứ để xử lý chị C về hành vi Tổ chức đánh bạc.

[14] Khi tiến hành khám xét nơi ở của Đặng Văn K phát hiện 01 quyển vở ô ly, giấy Bãi Bằng, nhãn vở ghi tên Đặng Thị P, năm học 2016 - 2017, bên trong có 14 tờ giấy ghi nhiều chữ và số; 01 quyển vở ô ly học sinh, ghi tên Đặng Văn T3 lớp 4B; có 05 tờ giấy liên số, bìa sau bị rách, 05 tờ giấy đều ghi nhiều chữ và số, 01 tờ rời có ghi nhiều chữ và số. Quá trình điều tra K thừa nhận có cho một số người dân trên địa bàn vay tiền, có người vay tính lãi, có người vay không tính lãi. Cơ quan CSĐT đã xác minh phía người vay tiền nhưng đều có lời khai là K không lấy lãi. Do vậy, không đủ cơ sở để xác định hành vi cho vay nặng lãi của Đặng Văn K.

[15] Về vật chứng: Đối với số tiền 9.790.000 đồng (Trong đó: 8.190.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc: 1.600.000 đồng tiền thu giữ trên người các bị cáo không dùng để đánh bạc). Xét thấy số tiền 8.190.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; đối với số tiền 1.600.000 đồng (Trong đó 1.300.000 đồng thu giữ ở cột nhà Đặng Văn K trong giai đoạn điều tra xác định là số tiền bị cáo Lý Văn T1 đánh rơi khi bỏ chạy, số tiền này bị cáo dùng để trả nợ không dùng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo; số tiền 300.000 đồng là số tiền thu giữ trên người của bị cáo Đặng Văn D mang theo dùng để mua gạo, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo). Về công cụ các bị cáo sử dụng để phạm tội gồm: 04 quân vị; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 chiếc chiếu đã cũ đã bị thu giữ có liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[16] Đối với số tài sản là tiền VNĐ thu giữ trên người các bị cáo, điện thoại di động, xe máy bị tạm giữ khi bị bắt quả tang và khám xét. Quá trình điều tra đã chứng minh không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, do vậy Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang đã Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các bị cáo và chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật, bao gồm: Tiền Việt Nam: 7.600.000 đồng (Trong đó: Bị cáo C 1.560.000 đồng; Chương Văn T2, sinh năm 1991: 2.000.000 đồng; Đặng Văn K 10.000 đồng; Chương Văn Q: 4.030.000 đồng). Trả lại anh Đặng Văn H 01 xe mô tô, biển kiểm soát 23H1 - 143.07. Trả lại bị cáo Đặng Văn C 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone SE, mặt sau màu xám - đen, điện thoại đã qua sử dụng; 01

ví da màu đen; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Đặng Văn C; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lý Thị Hồng, số 004262; 01 xe máy, nhãn hiệu Honda Blade, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 23H1 - 160.99, xe đã qua sử dụng. Trả lại bị cáo Lý Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT, màu đen, đã qua sử dụng. Trả lại bị cáo Chương Văn Q 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Masstel, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (xe máy, nhãn hiệu HONDA RSX, biển kiểm soát 23H1 - 210.94, xe đã qua sử dụng. Trả lại bị cáo Lý Văn S 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vsmart, màu xanh đã qua sử dụng. Trả lại bị cáo Đặng Văn B 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, đã qua sử dụng. Trả lại bị cáo Đặng Văn B1 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng. Trả lại bị cáo Chương Văn T2 01 xe máy, nhãn hiệu Honda, màu trắng - đen, biển kiểm soát 22B1 - 405.72, xe đã qua sử dụng. Trả lại bị cáo Lý Văn T2 01 xe máy, nhãn hiệu HONDA DREAM, biển kiểm soát 23B1 - 156.98, xe đã qua sử dụng. Trả lại bị cáo Chương Văn Đ 01 xe máy nhãn hiệu HONDA BLADE, màu đen, biển kiểm soát 23B1 - 346.89, xe đã qua sử dụng. Trả lại bị cáo Triệu Văn Q2 01 xe máy, nhãn hiệu HONDA DREAM, biển kiểm soát 23H1- 024.55, xe đã qua sử dụng. Trả lại bị cáo Lý Văn B2 01 xe máy, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đỏ đen, biển kiểm soát 23 H1- 061.90. Trả lại bị cáo Chương Văn T2 01 xe máy, nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu S đỏ - đen, biển kiểm soát 23B1 - 255.31, xe đã qua sử dụng. Trả lại bị cáo Đặng Văn K 01 quyển vở ô ly, giấy Bãi Bằng, nhãn vở ghi tên Đặng Thị P, năm học 2016 - 2017, bên trong có 14 tờ giấy ghi nhiều chữ và số; 01 quyển vở ô ly học sinh, ghi tên Đặng Văn T3, lớp 4B, có 05 tờ giấy liền sổ, bìa sau bị rách, 05 tờ giấy đều ghi nhiều chữ và số, 01 tờ rời có ghi nhiều chữ và số; 01 điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu NOKIA, màu xám - đen, điện thoại đã qua sử dụng.

[17] Về án phí: Các bị cáo Triệu Văn Q2, Chương Văn T2 (sinh năm 1991), Đặng Văn C, Chương Văn Q, Chương Văn Đ là đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH13 ngày 30/12/2016 (hộ nghèo) và có đơn xin miễn án phí, vì vậy miễn nộp án phí cho các bị cáo Triệu Văn Q2, Chương Văn T2 (sinh năm 1991), Đặng Văn C, Chương Văn Q, Chương Văn Đ. Các bị cáo Đặng Văn K, Lý Văn S, Đặng Văn K, Đặng Văn D, Lý Văn T1, Đặng Văn B, Đặng Văn B1, Lý Văn B2, Lý Văn T2, Chương Văn T2 (sinh năm 1982) phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH13 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[18] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn K phạm tội Đánh bạc và tội Tổ chức đánh bạc;

Các bị cáo Triệu Văn Q2, Chương Văn T2, sinh năm 1991; Đặng Văn C, Chương Văn T2, sinh năm 1982; Đặng Văn K, Đặng Văn D, Lý Văn T1, Chương Văn Q, Lý Văn S, Đặng Văn B, Đặng Văn B1, Lý Văn B2, Chương Văn Đ, Lý Văn T2 phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 55; Điều 58 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn K** 12 (*mười hai*) tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc; 06 (*sáu*) tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt của hai tội là **18** (*mười tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù; được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Triệu Văn Q2** 18 (*mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn kể từ ngày UBND xã Ngọc Linh, huyện X, tỉnh Hà Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Q2 số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*)/tháng để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Triệu Văn Q2 cho Ủy ban nhân dân xã Ngọc Linh, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Ngọc Linh trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Đặng Văn C** 12 (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ (*từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021*) theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ Bg 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ 11 tháng 3 ngày, kể từ ngày UBND xã Ngọc Linh, huyện X, tỉnh Hà Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo C số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*)/tháng để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Đặng Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Ngọc Linh, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Ngọc Linh trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Chương Văn T2** (sinh năm

1991) **12** (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ (từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021) theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ Bg 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ 11 tháng 3 ngày, kể từ ngày UBND xã Ngọc Linh, huyện X, tỉnh Hà Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khẩu trừ thu nhập đối với bị cáo T2 số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Chương Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã Ngọc Linh, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Ngọc Linh trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Lý Văn T1 12** (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ (từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021) theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ Bg 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ 11 tháng 3 ngày, kể từ ngày UBND xã Minh Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khẩu trừ thu nhập đối với bị cáo T1 số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lý Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Minh Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Minh Ngọc trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Chương Văn Đ 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn kể từ ngày UBND xã Ngọc Linh, huyện X, tỉnh Hà Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khẩu trừ thu nhập đối với bị cáo Đ số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Chương Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Ngọc Linh, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Ngọc Linh trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Chương Văn T2** (sinh năm 1982) **09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn kể từ ngày UBND xã Ngọc Minh, huyện X, tỉnh Hà Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T2 số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*)/tháng để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Chương Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã Ngọc Minh, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Ngọc Minh trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Đặng Văn B 09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn kể từ ngày UBND xã Bạch Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo B số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*)/tháng để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Đặng Văn B cho Ủy ban nhân dân xã Bạch Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Bạch Ngọc trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Đặng Văn D 10 (mười)** tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ (*từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021*) theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ Bg 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ 09 tháng 03 ngày, kể từ ngày UBND xã Bạch Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo D số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*)/tháng để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Đặng Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Bạch Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Bạch Ngọc trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Lý Văn T2 09 (chín)** tháng

cải tạo không giam giữ. Thời hạn kể từ ngày UBND xã Bạch Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T2 số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*)/tháng để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lý Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã Bạch Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Bạch Ngọc trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Đặng Văn K 09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ (*từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021*) theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ Bg 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ **08 tháng 03** ngày, kể từ ngày UBND xã Bạch Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo K số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*)/tháng để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Đặng Văn K cho Ủy ban nhân dân xã Bạch Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Bạch Ngọc trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Lý Văn B2 09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn kể từ ngày UBND xã Bạch Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo B2 số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*)/tháng để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lý Văn B2 cho Ủy ban nhân dân xã Bạch Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Bạch Ngọc trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Đặng Văn B1 08 (tám)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn kể từ ngày UBND xã Bạch Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu

trừ thu nhập đối với bị cáo B1 số tiền 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*)/tháng để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Đặng Văn B1 cho Ủy ban nhân dân xã Bạch Ngọc, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Bạch Ngọc trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Lý Văn S 08** (*tám*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ (*từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021*) theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ Bg 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ 07 tháng 03 ngày, kể từ ngày UBND xã Ngọc Linh, huyện X, tỉnh Hà Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo S số tiền 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*)/tháng để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lý Văn S cho Ủy ban nhân dân xã Ngọc Linh, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Ngọc Linh trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Chương Văn Q 06** (*sáu*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ (*từ ngày 05/01/2021 đến ngày 13/01/2021*) theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ Bg 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ 05 tháng 03 ngày, kể từ ngày UBND xã Ngọc Linh, huyện X, tỉnh Hà Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Q số tiền 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*)/tháng để nộp ngân sách Nhà nước cho đến khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Chương Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã Ngọc Linh, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Ngọc Linh trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Số tiền 8.190.000 đồng (tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc).

- Trả lại cho bị cáo Lý Văn T1 số tiền 1.300.000 đồng. Trả lại cho bị cáo Đặng Văn D số tiền 300.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 04 quân vị; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 chiếc chiếu đã cũ đã bị thu giữ có liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

(Đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/5/2021 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang).

4. Về án phí: Áp Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH13 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo: Triệu Văn Q2, Chương Văn T2 (sinh năm 1991), Đặng Văn C, Chương Văn Q, Chương Văn Đ.

Các bị cáo Đặng Văn K, Lý Văn S, Đặng Văn K, Đặng Văn D, Lý Văn T1, Đặng Văn B, Đặng Văn B1, Lý Văn B2, Lý Văn T2, Chương Văn T2 (sinh năm 1982). Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKS ND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PV06; PC01; PC02 Công an tỉnh;
- Cục THA tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T.M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân

Bị cáo Đặng Văn K đã cùng bàn bạc và đồng ý lấy địa điểm là nhà của bị cáo để đánh bạc. Hành vi của bị cáo K đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Các bị cáo Đặng Văn K; Đặng Văn B, Đặng Văn D, Lý Văn B2, Đặng Văn B1, Lý Văn T2, Đặng Văn K, Đặng Văn C, Triệu Văn Q2, Chương Văn Đ, Chương Văn T2 (sinh năm 1991), Chương Văn Q, Chương Văn T2 (sinh năm 1982), Lý Văn T1, Lý Văn S đã trực tiếp tham gia đánh bạc Bq hình thức xóc đĩa, sát phạt lẫn nhau thắng thua Bq tiền của chính các bị cáo, mục đích là nhằm thu lợi bất chính cho bản thân. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; các bị cáo đều phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.